

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 07 - 6 - 2022

V/v: Tranh chấp về ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh

Các Thẩm phán:

Bà Vũ Thị Nguyệt

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2022/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về ly hôn*”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 02/2022/HNGĐ-ST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐ-PT ngày 07/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2022/QĐ-PT ngày 22/3/2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 112/TB-PT ngày 12/5/2022, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Bích D, sinh năm: 1971. Địa chỉ: Số nhà C đường L, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. **Bị đơn:** Ông Lê T, sinh năm: 1964. Địa chỉ: Số nhà C thôn L 2, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

Ông Nguyễn Phương Đại N - Là luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Phương Đại N, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng.

(Bà D, ông T và ông N có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Phạm Thị Bích D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê T sau thời gian tự nguyện tìm hiểu, đến ngày 27/5/1991 đăng ký kết hôn tại UBND xã Lạc Xuân, huyện Đơn Dương và

có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn Lạc Xuân 2, xã Lạc Xuân, huyện Đơn Dương. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được vài năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau về vấn đề tiền bạc. Mặt khác, ông T có lối sống gia trưởng, vũ phu, không quan tâm đến gia đình, vợ con mà ham chơi cờ bạc. Năm 2011, khi bà bị bệnh phải mổ não dẫn đến bị trầm cảm nhưng ông T không chăm sóc mà còn đánh đập bà, tuy không gây thương tích nhưng bà phải chạy sang hàng xóm lánh nạn khiến bà tổn thương về tình cảm, khủng hoảng về tinh thần. Mâu thuẫn giữa vợ chồng bà đã được chi hội phụ nữ thôn hòa giải nhưng không cải thiện được mà ngày càng trầm trọng thêm nên từ tháng 04/2019, bà đã chuyển xuống Thành Phố Hồ Chí Minh thuê trọ sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, người nào chỉ biết bốn phần của người đó, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê T.

Về con chung: Vợ chồng bà có hai người con chung là chị Lê Phạm Như Q, sinh ngày: 02/01/1992 và chị Lê Phạm Vi Th, sinh ngày: 21/10/1994. Các con hiện nay đều đã trưởng thành, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên không đặt vấn đề giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống, vợ chồng bà có tạo lập được những tài sản chung như sau:

- Diện tích 125m² đất nông nghiệp thuộc thửa 186, tờ bản đồ số 07 xã Lạc Xuân được UBND huyện Đơn Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (viết tắt QSD) đất số AĐ 363700 ngày 03/3/2006 mang tên Lê T, Phạm Thị Bích D.

- Diện tích 186m² đất ở nông thôn thuộc thửa 174, tờ bản đồ số 07 xã Lạc Xuân được UBND huyện Đơn Dương cấp Giấy chứng nhận QSD đất số AĐ 363699 ngày 03/3/2006 mang tên Lê T, Phạm Thị Bích D. Trên thửa đất 174 này vợ chồng bà làm căn nhà cấp 4A diện tích 154m² từ năm 1991 và 01 nhà kho diện tích 24m² (trong đó có căn nhà kho diện tích 24m²; một phần căn nhà cấp 4A diện tích 10m² tọa lạc trên một phần thửa đất 173 không thuộc QSD đất của vợ chồng bà).

- Diện tích 503m² (trong đó có 400m² đất ở nông thôn, 103m² đất nông nghiệp) thuộc thửa 144 và 351m² đất nông nghiệp thuộc thửa 148, tất cả đều thuộc tờ bản đồ số 07 được UBND huyện Đơn Dương cấp Giấy CNQSD đất số BE 902869 ngày 15/12/2011 mang tên Lê T, Phạm Thị Bích D; ngoài ra có 31m² thuộc thửa 148 chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất do đo đạc, tính toán lại diện tích theo bản vẽ đo đạc hiện trạng ngày 05/02/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đơn Dương.

- Diện tích 276m² đất nông nghiệp thuộc thửa 177, tờ bản đồ số 07 xã Lạc Xuân được UBND huyện Đơn Dương cấp Giấy chứng nhận QSD đất số M 628044 ngày 07/9/1998 mang tên hộ ông Lê T.

Nguồn gốc thửa đất số 174, 177, 186 là do bố mẹ bà cho, khi cho đất không lập giấy tờ vì đất chưa được cấp sổ đỏ. Đối với thửa 144, 148, vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Độ từ năm 2011.

Ngoài các tài sản chung nêu trên thì có diện tích đất 1.084m² thuộc thửa 184, tờ bản đồ số 07 xã Lạc Xuân (trong đó có 1.000m² được UBND huyện Đơn Dương cấp Giấy chứng nhận QSD đất số V162642 ngày 22/11/2002 mang tên hộ bà Phạm Thị Bích D, đến ngày 16/11/2015 UBND huyện Đơn Dương điều chỉnh tên người sử dụng từ hộ bà Phạm Thị Bích D sang tên ông bà Lê T, Phạm Thị Bích D; 84m² chưa được cấp giấy do đo đạc, tính toán lại diện tích theo bản vẽ đo đạc hiện trạng ngày 05/02/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đơn Dương). Nguồn gốc đất là nhận chuyển nhượng của bà Trương Thị Xuân từ năm 2002 với giá 15.000.000đ, số tiền nhận chuyển nhượng đất là do em gái bà (Phạm Thị Tú Trinh) cho tiền để sang nhượng.

Nay bà yêu cầu Tòa án chia tài sản chung bao gồm:

- Diện tích 186m² đất thuộc thửa 174, trên đất có căn nhà cấp 4A diện tích 144m²;

- Diện tích 503m² thuộc thửa 144 và 382m² thuộc thửa 148 (trong đó 351m² đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất; 31m² chưa được cấp giấy do đo đạc, tính toán lại diện tích).

Bà yêu cầu được nhận diện tích 186m² đất thuộc thửa 174 và căn nhà cấp 4A diện tích 144m² tọa lạc trên thửa đất này và đồng ý giao cho ông T được QSD thửa đất 144, 148. Nếu ai nhận giá trị tài sản nhiều hơn sẽ có trách nhiệm thanh toán phần chênh lệch cho người còn lại.

Bà xin rút yêu cầu chia tài sản chung bao gồm diện tích các thửa đất 186, 177 và căn nhà kho diện tích 24m², một phần căn nhà cấp 4A diện tích 10m² vì diện tích nhà này tọa lạc trên một phần thửa 173, tờ bản đồ số 07 không thuộc QSD đất của vợ chồng bà (theo bản vẽ đo đạc hiện trạng ngày 05/02/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đơn Dương) và xin rút yêu cầu công nhận thửa 184, tờ bản đồ số 07 xã Lạc Xuân là tài sản riêng của bà.

Về nợ chung: Vợ chồng bà có vay của chị Lê Phạm Như Q (là con gái bà) số tiền 57.000.000đ vào năm 2015. Nợ bà Dương Thị Lan P 20.000.000đ tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật để đầu tư, sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, chị Q, bà P không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Vì vậy, bà thống nhất không giải quyết số nợ chung mà để các bên tự thỏa thuận.

2. Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn ông Lê T trình bày:

Ông thừa nhận quá trình tìm hiểu, thời gian và nơi đăng ký kết hôn như lời trình bày của bà D là đúng. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại thôn Lạc Xuân 2, xã Lạc Xuân. Thời gian ở chung, vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2009 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nhưng đã được chính quyền địa phương hòa giải nên vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau, đến năm 2018 mâu thuẫn mới trầm trọng, nguyên nhân là do bà D có biểu hiện không chung thủy, thường xuyên nhắn tin, hẹn hò với người khác giới. Vì vậy, vợ chồng có cãi vã và ông có đánh bà D để lấy điện thoại xem tin nhắn. Việc bà D cho rằng ông chơi cờ bạc là không đúng mà thỉnh thoảng ông có mua vé số. Từ giữa năm 2019, bà D đã chuyển xuống Thành Phố Hồ Chí Minh sống với con gái nên vợ chồng ly thân từ đó, không ai quan tâm đến ai. Ông nhận thấy tình cảm giữa ông và bà D không còn, có nhiều rạn nứt, khó hàn gắn nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D.

Về con chung: Ông và bà D có 02 người con là chị Lê Phạm Như Q, sinh ngày: 02/01/1992 và chị Lê Phạm Vi Th, sinh ngày: 21/10/1994. Do các con đã trên 18 tuổi nên không đặt vấn đề giải quyết.

Về tài sản chung: Ông thừa nhận vợ chồng có các tài sản chung như bà D trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 174, 177, 186 là do cha mẹ bà D khai phá, sau khi cha mẹ vợ chết thì ông Phạm Hoàng Lâm (anh trai bà D) cho nhưng không lập giấy tờ. Đối với thửa đất 184 có nguồn gốc vợ chồng nhận chuyển nhượng của bà Trương Thị Xuân, số tiền nhận chuyển nhượng là do bà Phạm Thị Tú Trinh (em gái bà D) cho vợ chồng tiền để sang nhượng.

Nay bà D yêu cầu chia tài sản chung là diện tích 186m² đất thuộc thửa 174, trên đất có căn nhà cấp 4A diện tích 144m²; diện tích 503m² thuộc thửa 144 và 382m² thuộc thửa 148 thì ông cũng thống nhất chia các tài sản này. Tuy nhiên, ông yêu cầu chia đôi diện tích nhà và chia đôi diện đất của các thửa đất này để mỗi người cùng có chỗ ở chứ không đồng ý cách chia tài sản chung như yêu cầu của bà D.

Ông cũng thống nhất với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với thửa 177, 184, 186 và căn nhà kho diện tích 24m²; một phần căn nhà cấp 4A diện tích 10m² vì diện tích nhà này tọa lạc trên một phần thửa 173, tờ bản đồ số 07 không thuộc QSD đất của ông và bà D.

Về nợ chung: Xác nhận vợ chồng ông có vay của chị Lê Phạm Như Q (con gái ông) số tiền 57.000.000đ vào năm 2015. Nợ bà Dương Thị Lan P 20.000.000đ tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật để đầu tư, sản xuất nông nghiệp. Nay chị Q, bà P không yêu cầu giải quyết trong vụ án này thì ông cũng thống nhất và để các bên tự thỏa thuận.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 02/2022/HNGĐ-ST ngày 18/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Bích D đối với bị đơn ông Lê T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị Bích D với ông Lê T.

2. Về tài sản chung:

Giao cho bà Phạm Thị Bích D được quyền sử dụng diện tích 186m² đất thuộc thửa 174, tờ bản đồ số 07, xã Lạc Xuân được UBND huyện Đơn Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 363699 ngày 03/3/2006 và được quyền sở hữu căn nhà cấp 4A diện tích 144m² tọa lạc trên thửa đất này.

Giao cho ông Lê T được quyền sử dụng diện tích 503m² đất thuộc thửa 144; 382m² thuộc thửa 148 (trong đó 351m² đã được cấp giấy, 31m² chưa được cấp giấy) tất cả đều thuộc tờ bản đồ số 07, xã Lạc Xuân được UBND huyện Đơn Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 902869 ngày 15/12/2011.

(Có bản vẽ đo đạc hiện trạng vị trí đất tranh chấp ngày 05/02/2020 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đơn Dương kèm theo).

Các bên đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Buộc bà Phạm Thị Bích D có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê T 34.240.462đ *(Ba mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng)* giá trị chênh lệch tài sản.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu công nhận diện tích thửa đất 184, tờ bản đồ số 07, xã Lạc Xuân là tài sản riêng và chia tài sản chung đối với diện tích thửa đất 177, 186, tất cả đều thuộc tờ bản đồ số 07, xã Lạc Xuân và căn nhà kho diện tích 24m², một phần căn nhà cấp 4A diện tích 10m² tọa lạc trên một phần thửa 173, tờ bản đồ số 07, xã Lạc Xuân của nguyên đơn bà Phạm Thị Bích D đối với bị đơn ông Lê T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 25/01/2022 bị đơn ông Lê T kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Lê T khẳng định: Đối với phần quan hệ hôn nhân, con chung, nợ chung và phần tranh chấp liên quan đến căn nhà kho diện tích 24m², một phần căn nhà cấp 4A diện tích 10m² tọa lạc trên một phần thửa 173, thửa đất 177, 184, 186, tờ bản đồ số 07, xã Lạc Xuân thì ông đồng ý với bản án sơ thẩm, ông chỉ kháng cáo về phần tài sản, cụ thể ông yêu cầu chia đôi căn

nhà có diện tích 144m² trên thửa đất 174 và chia đôi thửa đất 144, 148 tờ bản đồ số 07, xã Lạc Xuân.

Nguyên đơn bà D không đồng ý với kháng cáo của ông T và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về ly hôn*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Đối với phần quan hệ hôn nhân, con chung, nợ chung và phần tranh chấp liên quan đến căn nhà kho diện tích 24m², một phần căn nhà cấp 4A diện tích 10m² tọa lạc trên một phần thửa 173, thửa đất 177, 184, 186, tờ bản đồ số 07, xã Lạc Xuân. Bị đơn ông T không kháng cáo đối với các phần này nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Lê T về yêu cầu chia đôi căn nhà có diện tích 144m² trên thửa đất 174 và chia đôi thửa đất 144, 148 tờ bản đồ số 07, xã Lạc Xuân thì thấy rằng:

[3.1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Lê T nộp trong hạn luật định. Người kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo theo đúng quy định tại các Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[3.2] Cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận diện tích 186m² thuộc thửa 174, trên đất có căn nhà cấp 4A diện tích 144m²; 503m² thuộc thửa 144; 351m² thuộc thửa 148 các thửa đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện Đơn Dương cấp giấy chứng nhận QSD đất mang tên ông T, bà D là tài sản chung của vợ chồng.

Theo bản vẽ đo đạc hiện trạng ngày 05/02/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đơn Dương thể hiện thửa 148 có diện tích 382m² tăng 31m² so với giấy chứng nhận được cấp đo đạc, tính toán lại diện tích. Tại công văn số 669/UBND-TNMT ngày 28/4/2021 của UBND huyện Đơn Dương cho biết “*Căn cứ theo quy định tại khoản 5, Điều 98 Luật đất đai 2013 thì đối với diện tích*

đất 31m² thuộc thửa 148, tờ bản đồ số 07, xã Lạc Xuân tăng thêm do tính toán lại diện tích sẽ được công nhận khi lập thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” (Bút lục 210). Như vậy, diện tích đất 31m² thuộc thửa 148 tăng thêm này đủ điều kiện để xem xét chia tài sản chung.

Bà D cho rằng do bà là phụ nữ bản thân bị bệnh sức khỏe yếu, hiện nay không có chỗ ở nên bà yêu cầu được nhận tài sản là nhà và đất thuộc thửa 174, đồng ý giao cho ông T sử dụng thửa 144, 148. Nếu bên nào nhận giá trị nhiều hơn sẽ thanh toán giá trị chênh lệch cho bên còn lại.

Còn ông T yêu cầu chia đôi diện tích nhà và chia đôi diện tích các thửa đất 144, 148, 174 để ông và bà D đều có nhà ở và đất để sử dụng.

Xét thấy thửa 174 có diện tích là 186m² trên đất có căn nhà cấp 4A diện tích 144m² không đủ điều kiện để tách thành 02 thửa. Hơn nữa, việc chia đôi căn nhà không thể thực hiện được do sẽ làm ảnh hưởng đến kết cấu của căn nhà.

Hơn nữa, để đi vào thửa 144, 148 chỉ có một lối đi duy nhất chạy thẳng vào thửa đất, các mặt còn lại bị vây bọc bởi các thửa đất khác không thuộc QSD của ông T, bà D và thửa 144 không tiếp giáp với đường đi; diện tích 382m² đất nông nghiệp thuộc thửa 148 không đủ điều kiện để tách thửa theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Quyết định số: 04/2021/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định điều kiện tách thửa đất. Do đó, ý kiến của ông T là chia đôi nhà và chia đôi các thửa đất là không thể thực hiện được.

Nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cho bà Phạm Thị Bích D được quyền sử dụng diện tích 186m² đất thuộc thửa 174, tờ bản đồ số 07, xã Lạc Xuân được Ủy ban nhân dân huyện Đơn Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 363699 ngày 03/3/2006 và được quyền sở hữu căn nhà cấp 4A diện tích 144m² tọa lạc trên thửa đất này.

Giao cho ông Lê T được quyền sử dụng diện tích 503m² đất thuộc thửa 144; 382m² thuộc thửa 148 (trong đó 351m² đã được cấp giấy, 31m² chưa được cấp giấy) tất cả đều thuộc tờ bản đồ số 07, xã Lạc Xuân được Ủy ban nhân dân huyện Đơn Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 902869 ngày 15/12/2011.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 24/11/2021, Hội đồng định giá xác định diện tích nhà và đất thuộc thửa 174 có tổng trị giá là 365.480.925đ; diện tích thửa đất 144, 148 có tổng trị giá 297.000.000đ. Do đó, bà D có nghĩa vụ thanh toán cho ông T giá trị chênh lệch tài sản được nhận lớn hơn là 34.240.462đ (365.480.925 - 297.000.000đ = 68.480.925đ : 2). Là hợp tình, hợp lý và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Từ những phân tích trên xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, nội dung của vụ án. Bị đơn ông T kháng cáo nhưng không cung cấp được

tài liệu, chứng cứ mới để làm thay đổi tính chất, nội dung vụ án. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về chi phí tố tụng:

Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tại cấp sơ thẩm là 5.337.000đ (số tiền này bà D đã nộp và đã được quyết toán xong). Tại tòa án cấp phúc thẩm ông T đã nộp số tiền chi phí tố tụng là 3.100.000đ (số tiền này ông T đã nộp đủ và đã được quyết toán xong). Do bà D và ông T được chia tài sản chung tỷ lệ bằng nhau nên bà D và ông T mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền chi phí tố tụng trên, cụ thể mỗi người phải chịu 4.218.500đ. Ông T có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà D 1.118.500đ tiền chi phí tố tụng là phù hợp với quy định tại Điều 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Về án phí:

Buộc nguyên đơn bà D phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 16.562.000đ (331.240.462đ X 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm; ông T phải chịu 16.562.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Bích D đối với bị đơn ông Lê T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị Bích D với ông Lê T.

2. Về tài sản chung:

Giao cho bà Phạm Thị Bích D được quyền sử dụng diện tích 182m² đất thuộc thửa 174, tờ bản đồ số 07, xã Lạc Xuân được Ủy ban nhân dân huyện Đơn Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 363699 ngày 03/3/2006 và được quyền sở hữu căn nhà cấp 4A diện tích 144m² tọa lạc trên thửa đất này.

Giao cho ông Lê T được quyền sử dụng diện tích 503m² đất thuộc thửa 144; 382m² thuộc thửa 148 (trong đó 351m² đã được cấp giấy, 31m² chưa được cấp giấy) tất cả đều thuộc tờ bản đồ số 07, xã Lạc Xuân được Ủy ban nhân dân huyện Đơn Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 902869 ngày 15/12/2011.

(Có bản vẽ đo đạc hiện trạng vị trí đất tranh chấp ngày 05/02/2020 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đơn Dương kèm theo).

Các bên đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Buộc bà Phạm Thị Bích D có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê T 34.240.462đ *(Ba mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng)* giá trị chênh lệch tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu công nhận diện tích thửa đất 184, tờ bản đồ số 07, xã Lạc Xuân là tài sản riêng và chia tài sản chung đối với diện tích thửa đất 177, 186, tất cả đều thuộc tờ bản đồ số 07, xã Lạc Xuân và căn nhà kho diện tích 24m², một phần căn nhà cấp 4A diện tích 10m² tọa lạc trên một phần thửa 173, tờ bản đồ số 07, xã Lạc Xuân của nguyên đơn bà Phạm Thị Bích D đối với bị đơn ông Lê T.

3. Về chi phí tố tụng:

Buộc ông Lê T có trách nhiệm thanh toán cho bà Phạm Thị Bích D số tiền 1.118.500đ *(Một triệu một trăm mười tám nghìn năm trăm đồng)* tiền chi phí tố tụng.

4. Về án phí:

Buộc bà Phạm Thị Bích D phải chịu 18.862.000đ *(Mười tám triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình, án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 13.300.000đ *(Mười ba triệu ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0015949 ngày 27/9/2019, số 0016001 ngày 05/11/2019 và số 0016218 ngày 11/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương. Bà D còn phải nộp 5.562.000đ *(Năm triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê T phải chịu 16.862.000đ *(Mười sáu triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã

nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng số 00003746 ngày 09/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương. Ông T còn phải nộp 16.562.000đ (*Mười sáu triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (1);
- Phòng KTNV &THA (1);
- TAND huyện Đơn Dương (2);
- CCTHADS huyện Đơn Dương (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu án văn; lưu hồ sơ vụ án (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Thanh